

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 10 /QĐ-TĐHTPHCM ngày 21 tháng 3 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)*

TP. Hồ Chí Minh, năm 2025

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 3 năm 2025

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHTPHCM ngày tháng 3 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh

Tên chương trình: **Chương trình giáo dục đại học**

Trình độ đào tạo: **Đại học chính quy**

Ngành đào tạo: **Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng** Mã số: **7510605**

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trình độ đại học nhằm trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức liên ngành về kinh tế, pháp luật, chính trị – xã hội, cùng với chuyên môn sâu về logistics và chuỗi cung ứng. Sinh viên được phát triển các kỹ năng phân tích, tư duy phản biện, dự báo và đề xuất giải pháp nhằm tối ưu hóa hoạt động logistics và chuỗi cung ứng trong bối cảnh thị trường biến động. Chương trình cũng chú trọng rèn luyện kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo, sử dụng thành thạo tiếng Anh và công cụ công nghệ, đồng thời khuyến khích tinh thần sáng tạo, khởi nghiệp và học tập suốt đời để thích ứng và nâng cao năng lực cạnh tranh trong ngành.

1.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Hiểu và phân tích các kiến thức nền tảng về kinh tế, pháp luật, chính trị – xã hội để vận dụng vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn trong logistics, vận tải và chuỗi cung ứng.

PO2: Áp dụng kiến thức chuyên sâu về logistics và quản lý chuỗi cung ứng như vận tải, kho bãi, mua hàng, phân phối, tài chính và thương mại điện tử để đánh giá và tối ưu hóa các hoạt động chuỗi cung ứng.

PO3: Phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh trong học tập và công việc; sử dụng thành thạo công cụ tin học văn phòng và phần mềm chuyên ngành phục vụ công việc logistics và phát triển nghề nghiệp.

PO4: Phân tích, dự báo và đề xuất giải pháp cải tiến chuỗi cung ứng phù hợp với biến động thị trường; thiết kế và triển khai kế hoạch, dự án logistics nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và năng lực cạnh tranh.

PO5: Hình thành và rèn luyện các phẩm chất đạo đức, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo và tư duy phản biện; thể hiện tinh thần trách nhiệm, sáng tạo, khởi nghiệp và duy trì thái độ học tập suốt đời để thích ứng với sự thay đổi của ngành.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

ELO1: Hiểu và phân tích các vấn đề kinh tế – xã hội liên quan đến logistics và chuỗi cung ứng dựa trên kiến thức nền tảng về đường lối chính sách, luật pháp, tài chính, tiền tệ và thương mại quốc tế.

ELO2: Áp dụng kiến thức về kinh tế học, kinh doanh và quản lý, bao gồm kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, quản trị chuỗi cung ứng và logistics để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong vận tải, kho bãi, phân phối và thương mại điện tử.

ELO3: Vận dụng các chức năng của quản trị logistics và chuỗi cung ứng để hoạch định, tổ chức, vận hành và kiểm soát hiệu quả các hoạt động trong doanh nghiệp.

ELO4: Phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả logistics và chuỗi cung ứng, dựa trên kiến thức về tài chính, phân tích dữ liệu, quản trị rủi ro và đổi mới sáng tạo.

ELO5: Lập kế hoạch và phát triển các dự án kinh doanh hoặc khởi nghiệp trong lĩnh vực logistics, thông qua việc tích hợp kiến thức về vận hành, vận tải, kho bãi, mua hàng và dự án logistics với thực tiễn nghề nghiệp

ELO6: Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào quản lý logistics, vận hành chuỗi cung ứng số hóa và thương mại điện tử trong môi trường toàn cầu hóa.

2.2. Kỹ năng

ELO7: Đạt được chuẩn đầu ra tiếng Anh và tin học theo quy định xét tốt nghiệp của Trường đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh; sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp, trao đổi công việc, thích ứng với môi trường logistics.

ELO8: Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kết nối, truyền cảm hứng và phối hợp hiệu quả để giải quyết các vấn đề đa phương trong chuỗi cung ứng; xây dựng nền tảng cho khởi nghiệp và phát triển nghề nghiệp.

ELO9: Rèn luyện tư duy logic, tư duy phản biện và kỹ năng truyền đạt để phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề trong logistics và chuỗi cung ứng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và thích ứng với môi trường kinh doanh.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

ELO10: Hình thành ý thức trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm tập thể trong quá trình làm việc độc lập hoặc theo nhóm, đảm bảo hiệu quả trong giải quyết các vấn đề logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

ELO11: Phát triển kỹ năng hướng dẫn, chia sẻ và giám sát, hỗ trợ các thành viên trong tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chuyên môn trong quản lý chuỗi cung ứng, vận tải, kho bãi và logistics.

ELO12: Nâng cao khả năng tự định hướng, đề xuất giải pháp, phản biện và đưa ra kết luận chuyên môn, phục vụ thuyết trình, bảo vệ dự án, đề án nghiên cứu trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng.

ELO13: Xây dựng kỹ năng hoạch định, phân bổ và sử dụng nguồn lực hiệu quả để triển khai các dự án logistics và chuỗi cung ứng, đồng thời giám sát, theo dõi tiến độ, đánh giá và tối ưu hóa quy trình, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp.

2.4. Vị trí làm sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng có thể làm việc tại các tổ chức trong và ngoài nước thuộc nhiều lĩnh vực như: logistics, vận tải, thương mại, sản xuất, thương mại điện tử, xuất nhập khẩu, cũng như các cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, hiệp hội chuyên ngành, trường đại học và tổ chức phi chính phủ, với các nhóm vị trí có thể đảm nhận như sau:

- Nhân viên điều hành logistics và chuỗi cung ứng: Điều phối đơn hàng, lập kế hoạch giao nhận, theo dõi vận chuyển, xử lý sự cố phát sinh trong chuỗi cung ứng.
- Chuyên viên xuất nhập khẩu và thủ tục hải quan: Chuẩn bị chứng từ quốc tế, khai báo hải quan điện tử, làm việc với cơ quan chức năng và đối tác nước ngoài.
- Chuyên viên điều phối vận tải và giao nhận: Lập kế hoạch vận tải, điều phối phương tiện, giám sát tiến độ giao nhận và tối ưu hóa chi phí vận chuyển.
- Chuyên viên quản lý kho bãi và tồn kho: Tổ chức, sắp xếp kho hàng, kiểm soát chất lượng và số lượng tồn kho, ứng dụng phần mềm WMS và công nghệ tự động hóa.
- Chuyên viên phân tích và hoạch định chuỗi cung ứng: Phân tích dữ liệu, dự báo nhu cầu, thiết kế và cải tiến mạng lưới chuỗi cung ứng, phối hợp các bộ phận mua hàng, sản xuất, phân phối.
- Công tác tại các cơ quan quản lý Nhà nước, viện nghiên cứu, học viện, trường đại học hoặc tổ chức chính phủ: Thực hiện các vai trò như giảng viên, nghiên cứu viên hoặc cố vấn chuyên môn trong các dự án phát triển chính sách, cải tiến quy trình logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

Sau khi tích lũy kinh nghiệm, kỹ năng quản lý và hiểu sâu về hệ thống vận hành, trong khoảng 6 đến 10 năm, người học có thể đảm nhận các vị trí quản lý cấp trung như:

- Trưởng nhóm logistics, trưởng nhóm điều phối kho – vận tải.
- Trưởng phòng kho vận, vận tải, mua hàng, phân phối hoặc kế hoạch chuỗi cung ứng.
- Trưởng bộ phận xuất nhập khẩu tại doanh nghiệp sản xuất.
- Chuyên viên tư vấn, giám sát quy trình chuỗi cung ứng toàn diện.
- Chủ doanh nghiệp logistics nhỏ và vừa hoặc giám đốc điều hành đơn vị logistics khu vực.

Với kiến thức chuyên sâu, kinh nghiệm quản lý và tư duy chiến lược, sau hơn 10 năm, cử nhân có thể tiến đến các vị trí lãnh đạo cấp cao như:

- Giám đốc chuỗi cung ứng (Chief Supply Chain Officer - CSCO).
- Giám đốc logistics (Chief Logistics Officer - CLO).
- Giám đốc vận hành (Chief Operating Officer - COO).
- Giám đốc mua hàng, vận tải, phân phối hoặc xuất nhập khẩu (Procurement Director / Logistics Director / Import-Export Director).
- Tổng giám đốc công ty logistics, thương mại, sản xuất (Chief Executive Officer - CEO).
- Chủ doanh nghiệp logistics phát triển quy mô trong và ngoài nước (Global Logistics Business Owner).

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

a) Khả năng tự học

- Tự nghiên cứu và phát triển: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới và phát triển kỹ năng chuyên môn thông qua các nguồn tài liệu, khóa học trực tuyến và các chương trình đào tạo ngắn hạn.
- Phương pháp học tập suốt đời: Sinh viên được trang bị kỹ năng học tập suốt đời, có khả năng tự định hướng và tổ chức quá trình học tập cá nhân để liên tục nâng cao trình độ và kỹ năng chuyên môn.

b) Tham gia các chương trình đào tạo sau đại học

- Chương trình thạc sĩ: Sinh viên tốt nghiệp có đủ điều kiện và kiến thức nền tảng để tham gia các chương trình đào tạo thạc sĩ trong và ngoài nước, chuyên sâu về logistics và chuỗi cung ứng và các lĩnh vực liên quan.
- Chương trình tiến sĩ: Sinh viên có định hướng nghiên cứu và phát triển học thuật có thể tiếp tục theo học các chương trình tiến sĩ, tham gia vào các dự án nghiên cứu khoa học và đóng góp vào sự phát triển tri thức trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng.

c) Phát triển chuyên môn và chứng chỉ nghề nghiệp

- Chứng chỉ nghề nghiệp: Sinh viên có thể tham gia các khóa đào tạo và thi lấy các chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế uy tín như FIATA (Liên đoàn các hiệp hội giao nhận quốc tế – International Federation of Freight Forwarders Association).
- Đào tạo chuyên sâu: Sinh viên có thể tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu, cập nhật các công nghệ và phương pháp quản lý mới nhất trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng.

d) Tham gia vào cộng đồng nghề nghiệp

- Mạng lưới nghề nghiệp: Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các mạng lưới, hiệp hội nghề nghiệp, câu lạc bộ và các tổ chức liên quan để mở rộng mối quan hệ, học hỏi kinh nghiệm từ các chuyên gia và cập nhật xu hướng mới trong ngành.

- Hội thảo và hội nghị: Sinh viên có thể tham gia các hội thảo, hội nghị chuyên ngành trong và ngoài nước để cập nhật kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm và học hỏi từ các chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng.

Bằng việc phát triển khả năng tự học, tham gia các chương trình đào tạo sau đại học, nâng cao chuyên môn và tham gia vào cộng đồng chuyên nghiệp, sinh viên tốt nghiệp chương trình đại học "Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng" sẽ có khả năng nâng cao trình độ và đáp ứng tốt hơn các yêu cầu công việc trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

2.6. Các chương trình đào tạo đã tham khảo

a) Chương trình đào tạo Nước ngoài

- Chương trình Cử nhân Khoa học ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng tại trường Đại học Embry-Riddle cung cấp kiến thức chuyên sâu và kỹ năng thực tiễn để giải quyết các thách thức trong quản lý phân phối và chuỗi cung ứng. Với nhu cầu nhân lực tăng mạnh, sinh viên được đào tạo bài bản về mua sắm, bảo trì, vận chuyển và toàn cầu hóa chuỗi cung ứng, đồng thời phát triển kỹ năng mô hình hóa, quản lý hàng tồn kho, kho bãi và đánh giá hiệu suất hoạt động.

- Chương trình Cử nhân Quản trị Kinh doanh ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng tại trường Đại học DOHA trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thực tiễn về mua sắm, công nghệ chuỗi cung ứng và quản lý rủi ro. Chương trình giúp sinh viên tối ưu hóa vận hành, áp dụng công nghệ tiên tiến và thúc đẩy giải pháp bền vững, chuẩn bị cho các vai trò trong thu mua, phân tích chuỗi cung ứng và quản lý vận tải.

b) Chương trình đào tạo trong nước

- Chương trình đào tạo bậc đại học ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội được xây dựng theo hướng hiện đại, toàn diện, trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức vững chắc về kinh tế, quản lý, khoa học tự nhiên, xã hội và chuyên môn ngành. Chương trình chú trọng phát triển kỹ năng thực hành, tư duy phản biện, sáng tạo, làm việc nhóm, giao tiếp hiệu quả và tạo cơ hội thực tập từ năm thứ hai tại các doanh nghiệp. Đồng thời, chương trình kết nối sinh viên với các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước, mở rộng cơ hội nghề nghiệp trong các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, tư vấn, bán lẻ hoặc khởi nghiệp sau khi tốt nghiệp.

- Chương trình đào tạo bậc đại học ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng tại trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh trang bị cho sinh viên nền tảng vững chắc về kinh tế, quản lý và chuyên môn. Đồng thời, chương trình nhấn mạnh phát triển kỹ năng thực hành, giao tiếp, làm việc nhóm và tư duy phản biện, giúp sinh viên dễ dàng thích ứng với môi trường kinh doanh hiện đại.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

a) Kiến thức giáo dục đại cương:

- Kiến thức giáo dục đại cương bao gồm Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất: 36 tín chỉ.

- Kiến thức giáo dục đại cương không bao gồm Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất: 25 tín chỉ.

b) Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 101 tín chỉ.

- Kiến thức cơ sở ngành: 31 tín chỉ.

+ Bắt buộc: 27 tín chỉ.

+ Tự chọn: 4/8 tín chỉ (4 tín chỉ tự chọn để học trong tổng số 8 tín chỉ tự chọn).

- Kiến thức ngành: 26 tín chỉ.

- Kiến thức chuyên ngành: 32 tín chỉ

+ Bắt buộc: 24 tín chỉ.

+ Tự chọn: 8/16 tín chỉ (8 tín chỉ tự chọn để học trong tổng số 16 tín chỉ tự chọn).

- Kiến thức tốt nghiệp: 12 TC.

+ Thực tập tốt nghiệp: 4 TC.

+ Khóa luận / Đồ án tốt nghiệp: 8 TC.

Tổng khối lượng: 126 TC (không tính các học phần GDTC, QPAN).

Tổng khối lượng: 137 TC (tính cả các học phần GDTC, QPAN).

4. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

- Được thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

- Thời gian đào tạo: 4 năm (8 học kỳ) bố trí các học phần kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo ngành học trong thời gian quy định cho khóa học và thỏa mãn các yêu cầu về kết quả học tập và các điều kiện khác theo Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

- Có các chứng chỉ theo yêu cầu chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh, chứng chỉ giáo dục thể chất,...).

- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ và tin học theo quy định của trường.

6. Cách thức đánh giá

Kết quả học tập được đánh giá theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ do Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh ban hành bao gồm hai loại thang điểm:

a) Thang điểm 10 là thang điểm tiện ích tham chiếu, được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần. Các bảng ghi điểm thành phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thí nghiệm,...) sử dụng thang điểm 10.

b) Thang điểm 4 là thang điểm chính thức, trong đó điểm chữ (A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, F) được sử dụng cho điểm tổng kết học phần quy đổi từ thang điểm 10 dựa theo Bảng 1, điểm số (4-0) được sử dụng cho tính điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

7. Nội dung chương trình đào tạo

7.1. Danh sách các học phần trong chương trình đào tạo

Ký hiệu: - LT: Lý thuyết;

- TH, BT, TT, ĐA, BTL: Thực hành, Bài tập, Thực tập, Đồ án, Bài tập lớn

STT	Mã học phần	Tên học phần	HK	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương			36							
1.1.	Lý luận chính trị			11							
1	121115010	Triết học Mác - Lênin	6	3	45				90		
2	121115011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	30				60		
3	121115012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	2	30				60		
4	121115013	Tư tưởng Hồ Chí Minh	7	2	30				45		
5	121115014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	6	2	30				45		
1.2.	Khoa học xã hội			4							
6	121115015	Pháp luật đại cương	2	2	30				60		
7	180215999	Kinh tế học bền vững	1	2	20	10			60		Tự chọn: 2/6 TC
8	180750001	Logistics xanh	1	2	20	10			60		

STT	Mã học phần	Tên học phần	HK	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
9	180215041	Kinh tế biến đổi khí hậu	1	2	20	10			60		
1.3.	Khoa học tự nhiên			4							
10	111115008	Toán cao cấp 1	1	2	30				45		
11	180315020	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	2	30				45		
14.	Ngoại ngữ			6							
12	111315006	Anh văn 1	1	3	45				100		
13	111315002	Anh văn 2	3	3	45				100	111315006	
1.5.	Giáo dục thể chất			3							
14	200015001	GDTC – Đá cầu	1	1	3		27				Tự chọn: 2/3TC
15	200015002	GDTC – Bóng chuyền	1	1	3		27				
16	200015004	GDTC – Điền kinh	1	1	3		27				
17	200015003	GDTC – Cầu Lông	2	1	3		27				Tự chọn: 1/2TC
18	200015005	GDTC – Thể dục	2	1	3		27				
1.6.	Giáo dục quốc phòng – An ninh			8							
19	200015006	Giáo dục quốc phòng - an ninh	2	8							
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			101							
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành			31							
2.1.1.	Bắt buộc			27							
20	180215001	Kinh tế vi mô	1	3	30	15			90		
21	180215002	Kinh tế vĩ mô	2	3	30	15			90	180215001	
22	180215005	Nguyên lý kế toán	2	3	30	15			90		
23	180115007	Phân tích và dự báo kinh doanh	3	3	30	15			90		
24	180116138	Các nền tảng kinh doanh trực tuyến	7	3	30	15			90		
25	180115006	Quản trị tài chính doanh nghiệp	6	3	30	15			90		
26	180116003	Toán kinh tế	2	3	45				90		

STT	Mã học phần	Tên học phần	HK	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
27	180750002	Kinh tế vận tải và logistics	4	3	30	15			90		
28	180115096	Quản trị học	3	3	30	15			90		
2.1.1.	Tự chọn			4							
29	180115021	Kỹ năng thuyết trình	1	2	20	10			30		Tự chọn: 2/4TC
30	180115029	Kỹ năng tư duy	1	2	20	10			30		
31	180115025	Kỹ năng giao tiếp	2	2	20	10			30		Tự chọn: 2/4TC
32	180115027	Kỹ năng tìm việc	2	2	20	10			30		
2.2	Kiến thức ngành			26							
33	180750004	Nhập môn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	1	3	30	15			90		
34	180750005	Khai thác vận tải	3	3	30	15			90		
35	180750006	Quản trị kho hàng và hàng tồn kho	5	3	30	15			60		
36	180115077	Quản trị vận hành	6	3	30	15			90		
37	180115031	Quản trị chất lượng	7	3	30	15			90		
38	180115030	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	3	45				90		
39	180115170	Anh văn chuyên ngành	5	2	20	10			90		
40	180750007	An toàn và bảo hiểm vận tải	5	3	30	15			90		
41	180750008	Hàng hóa vận tải	4	3	30	15			60		
2.3.	Kiến thức chuyên ngành			32							
2.3.1.	Bắt buộc			24							
42	180115043	Quản trị chiến lược	5	3	30	15			90		
43	180750009	Quản trị vận tải đa phương thức	4	3	30	15			90		

STT	Mã học phần	Tên học phần	HK	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
44	180750010	Thiết kế đồ án môn học Quản trị vận tải đa phương thức	4	3				45			
45	180750011	Hệ thống thông tin logistics	5	3	30	15			90		
46	180750012	Quản lý chuỗi cung ứng	4	3	30	15			60		
47	180115060	Quản trị logistics	5	3	30	15			90		
48	180750013	Nghiệp vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu	6	3	30	15			90		
49	180115035	Thực hành nghề nghiệp	6	3			90				
2.3.2	Tự chọn			8							
50	180116005	Thị trường chứng khoán	7	2	30				60		Tự chọn 8/16 TC
51	180750015	Tổ chức và khai thác ga, cảng	7	2	30				60		
52	180750016	Nghiệp vụ thuế	7	2	30				60		
53	180115098	Quản trị nguồn nhân lực	7	2	30				60		
54	180750017	Nghiệp vụ ngoại thương	7	2	30				60		
55	180116014	Quản trị rủi ro	7	2	30				60		
56	180750018	AI trong logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7	2	30				60		
57	180115130	Marketing xanh	7	2	30				60		
2.4	Thực tập và đồ án/khóa luận tốt nghiệp			12							
58	180115037	Thực tập tốt nghiệp	8	4				180			

STT	Mã học phần	Tên học phần	HK	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
59	180115038	Khóa luận tốt nghiệp	8	8				360			
	Tổng số tín chỉ không bao gồm GDTC và GDQP			126							
	Tổng số tín chỉ			137							

7.2. Mô tả nội dung học phần trong chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Th)	Ghi chú
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương				
1.1.	Lý luận chính trị				
1	121115010	Triết học Mác - Lênin	Ngoài một chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 chương bao quát nhưng nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin.	45/0/90	
2	121115011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương bao quát những nội dung cơ bản về học thuyết giá trị, giá trị thặng dư, học thuyết kinh tế CNTB độc quyền, CNTB độc quyền nhà nước, sự mạnh giai cấp công nhân và cách mạng xã hội, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng XHCN, chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng thế giới.	30/0/60	
3	121115012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Môn Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết các phạm trù, khái niệm, các quy luật chính trị - xã hội; Thực hiện đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước; Xây dựng thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn.	30/0/60	
4	121115013	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Môn tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc chung. Sau khi học xong môn học này, người học sẽ có ý thức trong việc vận dụng những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoạt động thực tiễn. Nội dung của môn học bao gồm 8 chương trình bày những vấn đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu của môn học và trong mỗi chương sẽ trình bày những nội dung cơ bản theo mục tiêu của từng chương.	30/0/45	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Th)	Ghi chú
5	121115014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần bắt buộc, được giảng dạy cuối cùng trong các học phần lý luận chính trị. Học phần cung cấp những tri thức cơ bản nhất về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần góp phần bồi dưỡng cho sinh viên về phẩm chất, đạo đức cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp của dân tộc. Giúp sinh viên hiểu biết về sự ra đời và lãnh đạo đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam; Thực hiện những vấn đề lịch sử, kinh tế - xã hội của đất nước; Xây dựng tinh thần yêu nước, ý thức, niềm tự hào, tự tôn dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.	30/0/45	
1.2. Khoa học xã hội					
6	121115015	Pháp luật đại cương	Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; nội dung cơ bản của Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự.	30/0/60	
7	180215999	Kinh tế học bền vững	Học phần giúp sinh viên hiểu rõ các nguyên tắc và nền tảng phát triển kinh tế bền vững, bao gồm sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Sinh viên nắm vững vai trò của cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ trong việc thúc đẩy phát triển bền vững, cũng như các công cụ và chính sách pháp lý liên quan. Ngoài ra, học phần cung cấp kiến thức về các phương pháp bảo tồn tài nguyên, thiết kế sản phẩm thân thiện với môi trường và quản lý chất thải hiệu quả. Sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp kinh tế nhằm đảm bảo phát triển dài hạn mà không gây tổn hại đến hệ sinh thái và xã hội.	20/0/60	Tự chọn: 2/6 TC
8	180750001	Logistics xanh	Cung cấp kiến thức về nguyên tắc, chiến lược phát triển logistics bền vững và thân thiện với môi trường, nhấn mạnh vai trò của logistics xanh trong giảm thiểu tác động môi trường. Nội dung bao gồm quản lý chuỗi cung ứng xanh, giảm phát thải, tối ưu hóa vận chuyển, sử dụng năng lượng tái tạo và công nghệ xanh, cùng các tiêu chuẩn	20/0/60	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Th)	Ghi chú
			quốc tế và công cụ đánh giá hiệu quả. Sinh viên được trang bị kỹ năng thiết kế và quản lý giải pháp logistics xanh, góp phần bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển bền vững.		
9	180215041	Kinh tế biến đổi khí hậu	Trang bị kiến thức về vai trò, chức năng và trách nhiệm của nhà nước trong điều hành logistics, bao gồm chính sách, luật pháp và công cụ quản lý như lập kế hoạch, điều phối và giám sát. Nội dung tập trung vào phát triển hạ tầng, tối ưu hóa mạng lưới giao thông, ứng dụng công nghệ như ITS và SCM trong quản lý logistics. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá chính sách và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực logistics.	20/0/60	
1.3.	Khoa học tự nhiên				
10	111115008	Toán cao cấp 1	Trang bị cho sinh viên các khái niệm về tập hợp, ánh xạ, quan hệ và quan hệ thứ tự. Sinh viên nắm được các kiến thức về định thức, ma trận và lý thuyết hệ phương trình tuyến tính. Trang bị cho sinh viên khái niệm về không gian vector, hệ độc lập tuyến tính, cơ sở và số chiều không gian, ánh xạ tuyến tính và ma trận của nó, phép biến đổi tuyến tính, vector riêng và giá trị riêng. Nắm vững đường cong bậc hai và mặt bậc hai của hình học giải tích.	30/0/45	
11	180315020	Nguyên lý thống kê kinh tế	Học phần được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung. Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên. Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học; các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.	30/0/45	
1.4.	Ngoại ngữ				
12	111315006	Anh văn 1	Thông qua 7 đơn vị bài học cung cấp cho sinh viên một số lượng từ vựng phong phú về các chủ điểm giáo dục, công việc, thư tín, họp đồng, Về cú pháp cung cấp cho sinh viên cách sử dụng các loại từ loại trong tiếng Anh, câu ra lệnh, lời đề nghị, thông báo.	45/0/100	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Th)	Ghi chú
13	111315002	Anh văn 2	Đây là nội dung Tiếng Anh cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và kinh doanh. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình Tiếng Anh 7 năm ở bậc trung học.	45/0/100	
1.5.	Giáo dục thể chất				
14	200015001	GDTC – Đá cầu	Vị trí tác dụng của môn đá cầu trong hệ thống giáo dục thể chất, nguyên lý kỹ thuật, luật thi đấu, các thức tổ chức, trọng tài thi đấu môn đá cầu. Kỹ thuật di chuyển, tăng cầu, chuyển cầu, phát cầu, các bài tập phát triển thể lực, biết sử dụng các phương pháp, phương tiện để vận dụng tự tập luyện ngoài giờ nâng cao sức khỏe.	3/27/0	Tự chọn: 2/3TC
15	200015002	GDTC – Bóng chuyền	Vị trí tác dụng của môn bóng chuyền trong hệ thống giáo dục thể chất, nguyên lý kỹ thuật các môn chạy thi đấu, các thức tổ chức, trọng tài thi đấu môn bóng chuyền. Kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay, thấp tay, phát bóng, các bài tập phát triển thể lực, biết sử dụng các phương pháp, phương tiện để vận dụng tự tập luyện ngoài giờ nâng cao sức khỏe.	3/27/0	
16	200015004	GDTC – Điền kinh	Vị trí, tác dụng của môn điền kinh trong hệ thống giáo dục thể chất, nguyên lý kỹ thuật các môn chạy, luật thi đấu môn điền kinh. Kỹ thuật cơ bản chạy cự ly ngắn, trung bình, các bài tập phát triển thể lực, biết sử dụng các phương pháp, phương tiện để vận dụng tự tập luyện ngoài giờ nâng cao sức khỏe.	3/27/0	
17	200015003	GDTC – Cầu lông	Vị trí tác dụng của môn cầu lông trong hệ thống giáo dục thể chất, nguyên lý kỹ thuật, luật thi đấu, các thức tổ chức, trọng tài thi đấu môn cầu lông. Kỹ thuật di chuyển, hất cầu, lóp cầu, đập cầu, bô nhỏ, các bài tập phát triển thể lực, biết sử dụng các phương pháp, phương tiện để vận dụng tự tập luyện ngoài giờ nâng cao sức khỏe.	3/27/0	Tự chọn: 1/2TC
18	200015005	GDTC – Thể dục	Vị trí tác dụng của môn thể dục liên hoàn, trong hệ thống giáo dục thể chất, cách phòng chống tránh thương. Bài thể dục liên hoàn 72 động tác phát triển chung, cách xây tháp và đội hình, các bài tập thể lực. các bài tập phát triển	3/27/0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Th)	Ghi chú
			thể lực, biết sử dụng các phương pháp, phương tiện để vận dụng tự tập luyện ngoài giờ nâng cao sức khỏe		
1.6.	Giáo dục quốc phòng – An ninh				
19	200015006	Giáo dục quốc phòng - an ninh	Trang bị kiến thức cơ bản về đường lối quân sự, công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa.		
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành				
2.1.1.	Bắt buộc				
20	180215001	Kinh tế vi mô	Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo.	30/0/90	
21	180215002	Kinh tế vĩ mô	Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.	30/0/90	
22	180215005	Nguyên lý kế toán	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các nguyên lý kế toán chung và việc vận dụng chúng vào doanh nghiệp: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán và lập các báo cáo kế toán tài chính, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán;	30/0/90	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Th)	Ghi chú
			nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.		
23	180115007	Phân tích và dự báo kinh doanh	Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng phân tích, dự báo dữ liệu kinh doanh bằng các phương pháp như phân tích xu hướng, hồi quy, chuỗi thời gian.. Sinh viên sẽ sử dụng công cụ như Excel, SPSS và R để phân tích, dự báo nhu cầu vận tải, lưu lượng hàng hóa và hiệu suất logistics, hỗ trợ ra quyết định chiến lược. Qua các dự án thực tế, sinh viên rèn luyện khả năng ứng dụng phương pháp phân tích và tối ưu hóa hoạt động trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng.	30/0/90	
24	180116138	Các nền tảng kinh doanh trực tuyến	Cung cấp kiến thức cơ bản về kinh doanh điện tử, thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, các quy trình kinh doanh, các nền tảng kinh doanh trực tuyến. Cung cấp kiến thức về bán hàng trên các nền tảng trực tuyến: Các mô hình lợi nhuận và xây dựng giao diện web; Marketing trên web; mô hình chi ến lược B2B từ EDI đến EC, các khái niệm về đấu giá, cộng đồng ảo và web portal; Các khái niệm về môi trường thương mại điện tử: các vấn đề luật pháp, đạo đức và thuế. Cung cấp các phương pháp tích hợp hoạch định kinh doanh điện tử; Các chiến lược phát triển kinh doanh điện tử; quản lý thực hiện dự án kinh doanh điện tử.	30/0/90	
25	180115006	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, các kỹ năng phân tích trong quá trình ra quyết định về tài chính. Các chủ đề bao gồm: quản lý thu chi, phân tích và dự báo tài chính, quản lý đầu tư dài hạn, quản lý tài sản dài hạn, quản lý nguồn vốn, chi phí vốn,..	30/0/90	
26	180116003	Toán kinh tế	Trang bị cho sinh viên các vấn đề về lý thuyết, chuẩn bị cho những tiết thực hành trên máy tính có hiệu quả, là cơ sở quan trọng cho người học tiếp cận các môn học chuyên ngành kinh tế. Trang bị cho sinh viên khả năng ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế và quản trị logistics với các ví dụ gần gũi với thực tế.	45/0/90	
27	180750002	Kinh tế vận tải và logistics	Cung cấp kiến thức về vai trò, chức năng và các nguyên lý kinh tế áp dụng trong vận tải và logistics, bao gồm đặc điểm các phương thức vận tải, cấu trúc chi phí, giá cả, cầu – cung và thị trường	30/0/90	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Th)	Ghi chú
			vận tải. Sinh viên sẽ tìm hiểu cách tối ưu hóa hoạt động logistics như quản lý kho bãi, phân phối, vận chuyển, cùng với các xu hướng mới như công nghệ số, logistics xanh và vận tải bền vững. Ngoài ra, học phần còn trang bị hiểu biết về khung pháp lý, chính sách kinh tế và tác động của hội nhập quốc tế, giúp sinh viên ứng dụng hiệu quả vào quản lý và ra quyết định trong lĩnh vực này.		
28	180115096	Quản trị học	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị; nhà quản trị; môi trường quản trị; các lý thuyết quản trị (cổ điển và hiện đại); các chức năng của quản trị: hoạch định, tổ chức, giám đốc/điều hành và kiểm tra/kiểm soát. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới/thay đổi, quản trị xung đột, quản trị sự rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.	30/0/90	
2.1.2.	Tự chọn				
29	180115021	Kỹ năng thuyết trình	Môn học trang bị kiến thức giúp cho học viên có được kiến thức và kỹ năng cơ bản về thuyết trình, kỹ năng báo cáo và những công cụ quan trọng để rèn luyện và nâng cao kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong kinh doanh. Học phần cung cấp những lý thuyết cơ bản về tổng quan về hoạt động nhóm, các cơ sở khoa học – nghiên cứu lý thuyết đã có về hoạt động của nhóm, các bước cụ thể để xây dựng nhóm công tác và một số kỹ thuật điều hành hoạt động nhóm. học phần cung cấp cho sinh viên những kỹ năng nhất định để nhiều người cùng thực hiện tốt một nhiệm vụ và hướng đến mục tiêu chung. Cách làm việc này sẽ giúp các cá nhân bổ sung những thiếu sót cho nhau và hoàn thiện bản thân mình. Mỗi cá nhân cần phải luyện cho mình những kỹ năng làm việc nhóm cần thiết để xây dựng nhóm hoàn thiện, gắn kết hơn trong bất kỳ hoàn cảnh nào.	20/0/30	Tự chọn: 2/4TC
30	180115029	Kỹ năng tư duy	Môn học giúp sinh viên hiểu và vận dụng được các kiến thức về: Tư duy sáng tạo: Đây là khả năng nhìn thấy một vấn đề và đưa ra những ý tưởng và giải pháp hữu ích để đối phó với nó một cách tổng thể. Tư duy phản biện: Đó là	20/0/30	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Th)	Ghi chú
			khả năng nhìn và đánh giá sự việc, sự việc một cách tổng thể, để đưa ra những câu hỏi thích hợp nhằm hiểu đúng bản chất của vấn đề, thay vì chấp nhận nó một cách vội vàng. Tư duy logic: Nó là hoạt động suy luận, đánh giá một vấn đề cụ thể để đạt được một mục tiêu mong muốn. Tư duy quản lý: Thực tế, tư duy quản lý không chỉ người lãnh đạo cần mà tất cả mọi người đều cần. Tư duy tích cực: Đó là một cách để phát triển các kỹ năng suy nghĩ tích cực, để nhìn ra mặt sáng của vấn đề và có thêm động lực cũng như sự lạc quan để bước tiếp.		
31	180115025	Kỹ năng giao tiếp	Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về giao tiếp như: Khái quát chung về giao tiếp (Khái niệm, các chức năng của giao tiếp, quá trình giao tiếp, phân loại giao tiếp,...), các phương tiện giao tiếp (giao tiếp phi ngôn ngữ và giao tiếp ngôn ngữ), các kỹ năng giao tiếp cơ bản (Kỹ năng lắng nghe, kỹ năng nói và đặt câu hỏi, kỹ năng khen - phê bình...), giao tiếp liên văn hóa (các vấn đề của giao tiếp liên văn hóa, văn hóa giao tiếp của người Việt Nam và một số nước trên thế giới...). Đây là môn học giúp sinh viên hoàn thiện hơn về kỹ năng giao tiếp.Đồng thời cũng là một trong những bước đệm quan trọng đưa các em đến gần hơn với thành công.	20/0/30	Tự chọn: 2/4TC
			Học phần Kỹ năng tìm việc có sự kết hợp và vận dụng các kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp vào quá trình tìm kiếm, đạt được công việc phù hợp. Học phần giúp sinh viên khái quát được tiến trình tìm kiếm một công việc mong đợi, phù hợp với năng lực và tính cách của bản thân. Từ đó, sinh viên xây dựng được kế hoạch, làm chủ thời gian, nắm bắt các cơ hội việc làm. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng chuẩn bị và cách thức gửi hồ sơ tìm việc nhằm tạo ấn tượng với nhà tuyển dụng, đặc biệt, trang bị những kỹ năng cần thiết để sinh viên tự tin tham gia buổi phỏng vấn: kỹ năng chuẩn bị trước khi tham gia phỏng vấn, kỹ năng trả lời phỏng vấn hiệu quả, kỹ năng đặt câu hỏi.	20/0/30	
32	180115027	Kỹ năng tìm việc			
2.2	Kiến thức ngành				
33	180750004	Nhập môn Logistics và	Cung cấp kiến thức cơ bản về các khái niệm, vai trò và mối quan hệ giữa	30/0/90	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Th)	Ghi chú
		quản lý chuỗi cung ứng	logistics và chuỗi cung ứng trong hoạt động kinh doanh. Sinh viên sẽ tìm hiểu các thành phần chính của logistics như quản lý vận tải, kho bãi, tồn kho và dịch vụ khách hàng, cùng với các hoạt động trong chuỗi cung ứng như lập kế hoạch, thu mua, sản xuất và phân phối. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên nắm vững vai trò của công nghệ và xu hướng toàn cầu trong logistics, từ đó xây dựng nền tảng kiến thức để tiếp cận các học phần chuyên sâu trong lĩnh vực này.		
34	180750005	Khai thác vận tải	Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu về tổ chức, quản lý và tối ưu hóa các hoạt động vận tải trong chuỗi logistics. Nội dung bao gồm các phương thức vận tải chính (đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không, và vận tải đa phương thức), cách khai thác hiệu quả các phương tiện và cơ sở hạ tầng vận tải, cùng với các giải pháp nâng cao hiệu suất vận chuyển. Sinh viên sẽ học về lập kế hoạch, định tuyến, quản lý chi phí, và ứng dụng công nghệ trong vận tải. Học phần hướng đến mục tiêu phát triển kỹ năng phân tích và quản lý để sinh viên có thể đáp ứng yêu cầu thực tế của ngành vận tải và logistics.	30/0/90	
35	180750006	Quản trị kho hàng và hàng tồn kho	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản lý hiệu quả kho hàng và hàng tồn kho trong chuỗi cung ứng. Nội dung bao gồm thiết kế và vận hành hệ thống kho bãi, ứng dụng công nghệ nhận diện như Bar Code và RFID, và quản lý các quy trình nhập, xuất, sắp xếp, lấy hàng, cùng tối ưu hóa lộ trình di chuyển. Sinh viên cũng được học về các phương pháp kiểm soát hàng tồn kho, lập kế hoạch dự trữ và duy trì mức tồn kho tối ưu nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh. Đồng thời, học phần chú trọng các biện pháp bảo quản hàng hóa và đánh giá hiệu quả quản lý thông qua các chỉ số cụ thể, giúp nâng cao hiệu suất hoạt động logistics và chuỗi cung ứng.	30/0/60	
36	180115077	Quản trị vận hành	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và công cụ trong việc thiết kế, thực hiện và cải tiến quản trị vận hành của các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cốt lõi về quản trị vận hành bao gồm thiết kế sản phẩm, dịch	30/0/90	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Th)	Ghi chú
			vụ và lựa chọn quy trình vận hành; các phương pháp bố trí mặt bằng sản xuất và kinh doanh dịch vụ, các phương pháp và nội dung của điều độ quy trình vận hành, kiến thức và ứng dụng lý thuyết xếp hàng trong kinh doanh dịch vụ.		
37	180115031	Quản trị chất lượng	Học phần trang bị những kiến thức, kỹ năng cơ bản, hiện đại về chất lượng (bao gồm sản phẩm, dịch vụ, hoạt động quản lý) và quản lý chất lượng trong các tổ chức. Để thực hiện mục tiêu đó môn học bao gồm những nội dung chủ yếu như: Các quan niệm chất lượng sản phẩm, dịch vụ trong nền kinh tế thị trường hiện đại và ảnh hưởng của chúng đến khả năng thỏa mãn khách hàng. Quá trình phát triển của quản lý chất lượng; Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và dịch vụ; Cách thức đo lường đánh giá chi phí chất lượng của các công ty góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng mức thỏa mãn khách hàng và giảm các lãng phí không cần thiết; Mối quan hệ giữa chất lượng với năng suất và sức cạnh tranh; Kiểm tra và đánh giá chất lượng ; các công cụ thống kê sử dụng trong quản lý chất lượng; Hệ thống các tiêu chí đánh giá chất lượng sản phẩm; Các hệ thống quản lý chất lượng.	30/0/90	
38	180115030	Quản trị kinh doanh quốc tế	Sinh viên sẽ được trang bị cho mình những kiến thức có bản về kinh doanh quốc tế, động cơ tiến hành hoạt động kinh doanh quốc tế. Tác động của toàn cầu hóa và các yếu tố thuộc môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, địa lý kinh tế, nhân khẩu học tới hoạt động kinh doanh quốc tế, các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế, chiến lược kinh doanh quốc tế và cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế.	45/0/90	
39	180115170	Anh văn chuyên ngành	Sinh viên sẽ được trang bị cho mình những kiến thức có bản về kinh doanh quốc tế, động cơ tiến hành hoạt động kinh doanh quốc tế. Tác động của toàn cầu hóa và các yếu tố thuộc môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, địa lý kinh tế, nhân khẩu học tới hoạt động kinh doanh quốc tế, các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế, chiến lược kinh doanh quốc tế và cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế	20/0/90	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Th)	Ghi chú
40	180750007	An toàn và bảo hiểm vận tải	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn trong hoạt động vận tải và các nguyên tắc, quy định liên quan đến bảo hiểm vận tải. Nội dung bao gồm nhận diện, đánh giá và kiểm soát các rủi ro trong vận tải đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không và vận tải đa phương thức. Sinh viên sẽ tìm hiểu các quy định pháp luật về an toàn giao thông và vận tải, cùng với các loại hình bảo hiểm vận tải như bảo hiểm hàng hóa, phương tiện và trách nhiệm dân sự. Học phần cũng tập trung vào kỹ năng phân tích tình huống, lập kế hoạch và triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động vận tải trong chuỗi cung ứng.	30/0/90	
41	180750008	Hàng hóa vận tải	Trang bị cho sinh viên kiến thức về đặc điểm, phân loại và yêu cầu vận chuyển của các loại hàng hóa trong hoạt động logistics và chuỗi cung ứng. Nội dung bao gồm các nguyên tắc đóng gói, xếp dỡ, bảo quản và vận chuyển hàng hóa theo từng phương thức vận tải (đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không và vận tải đa phương thức). Sinh viên sẽ được học về các quy định pháp luật liên quan, tiêu chuẩn an toàn và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa trong quá trình vận chuyển. Đồng thời, học phần còn tập trung vào việc tối ưu hóa quy trình vận chuyển và đảm bảo hàng hóa được giao nhận đúng thời gian, đúng chất lượng, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động logistics và chuỗi cung ứng.	30/0/60	
2.3. Kiến thức chuyên ngành					
2.3.1. Bắt buộc					
42	180115043	Quản trị chiến lược	Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; các giai đoạn phát triển của quản trị chiến lược; mô hình nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp có mục tiêu dài hạn, bao gồm: hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.	30/0/90	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Th)	Ghi chú
43	180750009	Quản trị vận tải đa phương thức	Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng quản lý hiệu quả các hoạt động vận tải kết hợp nhiều phương thức khác nhau như đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không và đường thủy nội địa. Nội dung học phần bao gồm tổ chức, điều phối và tối ưu hóa các tuyến vận chuyển, lập kế hoạch chuỗi hành trình, và lựa chọn phương thức vận tải phù hợp dựa trên chi phí, thời gian và tính hiệu quả. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về các quy định pháp luật, các chứng từ vận tải đa phương thức và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý. Mục tiêu là giúp sinh viên nắm vững các chiến lược và công cụ cần thiết để thiết kế và vận hành hệ thống vận tải đa phương thức hiệu quả, đáp ứng nhu cầu của chuỗi cung ứng hiện đại.	30/0/90	
44	180750010	Thiết kế đồ án môn học Quản trị vận tải đa phương thức	Học phần này trang bị cho sinh viên kỹ năng và phương pháp thực hiện dự án thực tế trong lĩnh vực vận tải đa phương thức và logistics. Nội dung bao gồm quy trình nghiên cứu khoa học, xây dựng đề cương, thu thập và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả, cùng với lập kế hoạch và triển khai dự án. Sinh viên sẽ áp dụng kiến thức lý thuyết để đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh vận tải đa phương thức và logistics, đề xuất giải pháp cải tiến, đồng thời phát triển kỹ năng làm việc nhóm, quản lý thời gian và giao tiếp. Mục tiêu là giúp sinh viên tự tin thực hiện các dự án nghiên cứu và ứng dụng trong thực tế.	0/0/0	
45	180750011	Hệ thống thông tin logistics	Trang bị cho sinh viên kiến thức về vai trò, cấu trúc và ứng dụng của các hệ thống thông tin trong quản lý logistics và chuỗi cung ứng. Nội dung bao gồm cách thu thập, xử lý, lưu trữ và phân tích dữ liệu để hỗ trợ các hoạt động như quản lý kho, vận tải, đơn hàng và theo dõi hàng hóa. Sinh viên sẽ học cách sử dụng các công cụ công nghệ như phần mềm quản lý logistics (TMS, WMS) và ứng dụng công nghệ hiện đại như RFID, GPS, và IoT để tối ưu hóa hiệu quả và nâng cao khả năng ra quyết định. Mục tiêu là giúp sinh viên hiểu và vận dụng hệ thống thông tin vào thực tiễn logistics, từ đó nâng cao hiệu quả vận hành và khả năng cạnh tranh trong chuỗi cung ứng.	30/0/90	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Th)	Ghi chú
46	180750012	Quản lý chuỗi cung ứng	Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về thiết kế, vận hành và tối ưu hóa các hoạt động trong chuỗi cung ứng, từ lập kế hoạch, thu mua, sản xuất, quản lý kho, vận chuyển đến phân phối sản phẩm. Nội dung tập trung vào quản lý mối quan hệ giữa các đối tác trong chuỗi cung ứng, tối ưu hóa dòng chảy hàng hóa, thông tin và tài chính, cùng với việc ứng dụng các công nghệ như ERP, SCM và IoT. Sinh viên sẽ học cách đánh giá hiệu quả chuỗi cung ứng, giải quyết các vấn đề thực tiễn và đề xuất các giải pháp cải tiến nhằm nâng cao hiệu suất, giảm chi phí và tăng cường khả năng cạnh tranh trong môi trường kinh doanh toàn cầu.	30/0/60	
47	180115060	Quản trị logistics	Quản trị logistics là môn học nghiên cứu các hoạt động tổ chức, xây dựng, và quản lý hoạt động cung ứng vật tư, hàng hoá trong doanh nghiệp. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn và có vai trò rất quan trọng để nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay. Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản lý chuỗi logistics trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay.	30/0/90	
48	180750013	Nghiệp vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu	Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về quy trình và nghiệp vụ giao nhận trong hoạt động thương mại quốc tế. Nội dung bao gồm tìm hiểu các loại chứng từ xuất nhập khẩu, quy định hải quan, các điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms), và cách lựa chọn phương thức vận tải phù hợp. Sinh viên sẽ được học cách lập và kiểm tra bộ chứng từ, quy trình khai báo hải quan, xử lý thủ tục giao nhận hàng tại cảng, cũng như phối hợp với các bên liên quan như nhà vận tải, hãng tàu và đơn vị bảo hiểm. Mục tiêu là giúp sinh viên nắm vững các nghiệp vụ thực tiễn, nâng cao khả năng tổ chức và xử lý hiệu quả các hoạt động giao nhận trong xuất nhập khẩu.	30/0/90	
49	180115035	Thực hành nghề nghiệp	Nhằm giúp sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Sinh viên sẽ được tham gia trải nghiệm	0/90/0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Th)	Ghi chú
			thực tế tại các doanh nghiệp logistics, cảng biển, kho bãi, hoặc các tổ chức liên quan, từ đó hiểu rõ hơn về quy trình vận hành, quản lý kho, giao nhận hàng hóa, vận tải và các hoạt động chuỗi cung ứng. Học phần tập trung vào việc rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, quản lý thời gian và giao tiếp trong môi trường doanh nghiệp. Mục tiêu là giúp sinh viên củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng nghề nghiệp và xây dựng sự tự tin để sẵn sàng làm việc sau khi tốt nghiệp.		
2.3.2	Tự chọn				
50	180116005	Thị trường chứng khoán	Học phần đào tạo sinh viên 4 nghiệp vụ chính về chứng khoán: (i) Môi giới chứng khoán, hướng dẫn sinh viên những kỹ năng cần thiết, khả năng giao tiếp; (ii) Nghiệp vụ tư vấn chứng khoán; (iii) Nghiệp vụ, phát hành chứng khoán, một công ty muốn phát hành chứng khoán thường phải nhờ đến dịch vụ phát hành chứng khoán của những công ty chuyên nghiệp để phát hành, do đó sinh viên được đào tạo để có thể đứng ra bảo lãnh phát hành cho những công ty này. (iv) Nghiệp vụ tự doanh, sinh viên được học về đầu tư chứng khoán. Mỗi nghiệp vụ sinh viên đều phải đi thực tế ở các công ty chuyên về chứng khoán;	30/0/60	
51	180750015	Tổ chức và khai thác ga, cảng	Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về tổ chức, vận hành và quản lý hoạt động tại các ga và cảng trong chuỗi logistics. Nội dung bao gồm cấu trúc, chức năng và vai trò của ga, cảng trong hệ thống vận tải, quy trình khai thác hàng hóa, hành khách, và các phương thức xếp dỡ, lưu kho tại cảng. Sinh viên sẽ học cách tối ưu hóa dòng chảy hàng hóa và phương tiện, quản lý cơ sở hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cảng và ga (như TOS - Terminal Operating System). Ngoài ra, học phần cũng tập trung vào các quy định pháp luật, an toàn và bảo vệ môi trường, giúp sinh viên nâng cao năng lực tổ chức và vận hành hiệu quả trong lĩnh vực ga, cảng.	30/0/60	Tự chọn 8/16 TC
52	180750016	Nghiệp vụ thuế	Sinh viên sẽ nắm vững hệ thống thuế tại Việt Nam, bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế thu nhập cá nhân (TNCN), thuế xuất nhập khẩu và các loại thuế khác. Sinh viên có khả năng	30/0/60	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Th)	Ghi chú
			phân tích, tính toán, kê khai và quyết toán thuế theo quy định pháp luật, đồng thời hiểu rõ tác động của thuế đối với hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phân tích và sử dụng phần mềm hỗ trợ kê khai thuế, góp phần nâng cao năng lực quản lý tài chính và tuân thủ nghĩa vụ thuế trong doanh nghiệp..		
53	180115098	Quản trị nguồn nhân lực	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức, chiến lược của tổ chức và quản lý nhân sự, cơ sở luật pháp về nhân sự, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, thù lao và các phúc lợi cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan	30/0/60	
54	180750017	Nghiệp vụ ngoại thương	Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết trong hoạt động xuất nhập khẩu và kinh doanh quốc tế. Nội dung bao gồm các khái niệm cơ bản về thương mại quốc tế, quy trình thực hiện hợp đồng ngoại thương, các điều kiện giao hàng theo Incoterms, phương thức thanh toán quốc tế (L/C, T/T, D/P...), và thủ tục hải quan. Sinh viên sẽ học cách soạn thảo, kiểm tra hợp đồng, xử lý chứng từ thương mại, bảo hiểm hàng hóa, và giải quyết tranh chấp trong giao dịch quốc tế. Mục tiêu là giúp sinh viên hiểu và thực hiện thành thạo các nghiệp vụ ngoại thương, đáp ứng yêu cầu thực tế của hoạt động kinh doanh toàn cầu.	30/0/60	
55	180116014	Quản trị rủi ro	Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nhận diện, phân tích và quản lý các rủi ro có thể xảy ra trong các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng. Nội dung bao gồm các loại rủi ro như rủi ro vận tải, lưu kho, nguồn cung, nhu cầu, và rủi ro tài chính, cùng với các công cụ và phương pháp phòng ngừa, giảm thiểu hoặc ứng phó rủi ro. Sinh viên sẽ được học cách lập kế hoạch quản lý rủi ro, đánh giá hiệu quả các biện pháp kiểm soát, và ứng dụng công nghệ để theo dõi và giảm thiểu tác động của rủi ro trong chuỗi cung ứng. Học phần giúp sinh viên phát triển khả năng quản lý rủi ro toàn diện nhằm đảm bảo sự ổn định, hiệu quả và bền vững cho các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng trong thực tế.	30/0/60	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Th)	Ghi chú
56	180750018	AI trong logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Trang bị cho sinh viên kiến thức về ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc tối ưu hóa các hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Nội dung bao gồm cách sử dụng AI để dự báo nhu cầu, tối ưu hóa lộ trình vận tải, quản lý hàng tồn kho, và nâng cao hiệu quả vận hành kho bãi. Sinh viên sẽ được tìm hiểu các công nghệ như học máy (Machine Learning), xử lý dữ liệu lớn (Big Data), và hệ thống tự động hóa để phân tích, dự đoán và ra quyết định nhanh chóng. Học phần hướng đến việc giúp sinh viên hiểu rõ vai trò của AI trong đổi mới ngành logistics, từ đó áp dụng hiệu quả vào thực tiễn để nâng cao hiệu suất và tính cạnh tranh của chuỗi cung ứng.	30/0/60	
57	180115130	Marketing xanh	Môn học này là giúp cho sinh viên: Làm quen với các khái niệm mới trong Marketing; Nhận thức được tầm quan trọng của Marketing xanh trong hoạt động kinh doanh và trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội; Nắm được những khái niệm căn bản nhất liên quan đến Marketing xanh; Hiểu rõ được sự tương tác giữa tiêu dùng và môi trường. Biết cách khám phá ra nhu cầu xanh của khách hàng, từ đó, xây dựng kế hoạch marketing xanh cho doanh nghiệp, và cuối cùng là chuyển giao các giá trị cho khách hàng và cộng đồng.	30/0/60	
2.4	Thực tập và đồ án/khóa luận tốt nghiệp				
58	180115037	Thực tập tốt nghiệp	Giúp sinh viên áp dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tiễn tại các doanh nghiệp hoặc tổ chức trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Trong quá trình thực tập, sinh viên sẽ tham gia vào các hoạt động thực tế như quản lý kho bãi, vận tải, giao nhận, lập kế hoạch chuỗi cung ứng hoặc tối ưu hóa quy trình logistics. Học phần tập trung vào việc rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, tư duy phân tích và kỹ năng giao tiếp trong môi trường chuyên nghiệp. Mục tiêu là giúp sinh viên tích lũy kinh nghiệm thực tế, nâng cao năng lực nghề nghiệp và chuẩn bị sẵn sàng cho công việc sau khi tốt nghiệp.	0/0/0	
59	180115038	Khóa luận tốt nghiệp	"Khóa luận tốt nghiệp" là cơ hội để sinh viên tổng hợp và vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào việc nghiên cứu và giải quyết một vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng.	0/0/0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Th)	Ghi chú
			Sinh viên sẽ thực hiện một đề tài nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, bao gồm các bước: xác định vấn đề, xây dựng đề cương, thu thập và phân tích dữ liệu, đề xuất giải pháp và viết báo cáo khoa học. Khóa luận đòi hỏi sinh viên phát triển tư duy độc lập, kỹ năng nghiên cứu, phân tích và trình bày một cách chuyên nghiệp. Mục tiêu là giúp sinh viên không chỉ củng cố kiến thức chuyên môn mà còn chuẩn bị nền tảng vững chắc cho công việc thực tế hoặc nghiên cứu sâu hơn trong tương lai.		

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Học kỳ 1:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
1	180115021	Kỹ năng thuyết trình	2	20	10			30		Tự chọn: 2/4 TC
2	180115029	Kỹ năng tư duy	2	20	10			30		
3	111315006	Anh văn 1	3	45				100		
4	200015002	GDTC – Bóng chuyền	1	3		27				
5	200015001	GDTC – Đá cầu	1	3		27				
6	200015004	GDTC – Điền kinh	1	3		27				
7	111115008	Toán cao cấp 1	2	30				45		
8	121115012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30				60		
9	180215999	Kinh tế học bền vững	2	20	10			60		Tự chọn: 2/6 TC
10	180750001	Logistics xanh	2	20	10			60		
11	180215041	Kinh tế biến đổi khí hậu	2	20	10			60		
12	180750004	Nhập môn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3	30	15			90		
13	180215001	Kinh tế vi mô	3	30	15			90		
	Tổng (Không bao gồm HP GDTC và GDQP)		17							

Học kỳ 2:

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
1	180115025	Kỹ năng giao tiếp	2	20	10			30		Tự chọn: 2/4 TC
2	180115027	Kỹ năng tìm việc	2	20	10			30		
3	200015003	GDTC – Cầu Long	1	3		27				Tự chọn: 1/2 TC
4	200015005	GDTC – Thể dục	1	3		27				
5	200015006	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8							
6	180116003	Toán kinh tế	3	45				90		
7	180215002	Kinh tế vĩ mô	3	30	15			90	180215001	
8	180215005	Nguyên lý kế toán	3	30	15			90		
9	121115015	Pháp luật đại cương	2	30				60		
10	121115011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30				60		
Tổng (Không bao gồm HP GDTC và GDQP)			15							

Học kỳ 3:

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
1	111315002	Anh văn 2	3	45				100	111315006	
2	180750005	Khai thác vận tải	3	30	15			90		
3	180315020	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	30				45		
4	180115007	Phân tích và dự báo kinh doanh	3	30	15			90		
5	180115030	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	45				90		
6	180115096	Quản trị học	3	30	15			90		
Tổng			17							

Học kỳ 4:

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
1	180750008	Hàng hóa vận tải	3	30	15			60		

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
2	180750002	Kinh tế vận tải và logistics	3	30	15			90		
3	180750012	Quản lý chuỗi cung ứng	3	30	15			60		
4	180750009	Quản trị vận tải đa phương thức	3	30	15			90		
5	180750010	Thiết kế đồ án môn học Quản trị vận tải đa phương thức	3				45			
	Tổng		15							

Học kỳ 5:

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
1	180750007	An toàn và bảo hiểm vận tải	3	30	15			90		
2	180750011	Hệ thống thông tin logistics	3	30	15			90		
3	180115043	Quản trị chiến lược	3	30	15			90		
4	180750006	Quản trị kho hàng và hàng tồn kho	3	30	15			60		
5	180115060	Quản trị logistics	3	30	15			90		
6	180115170	Anh văn chuyên ngành	2	20	10			90		
	Tổng		17							

Học kỳ 6:

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
1	121115014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30				45		
2	180750013	Nghiep vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu	3	30	15			90		
3	180115006	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	30	15			90		
4	180115077	Quản trị vận hành	3	30	15			90		
5	180115035	Thực hành nghề nghiệp	3			90				
	Tổng		17							

Học kỳ 7:

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
1	180116138	Các nền tảng kinh doanh trực tuyến	3	30	15			90		

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
2	121115013	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30				45		
3	180115031	Quản trị chất lượng	3	30	15			90		
4	180750017	Nghiệp vụ ngoại thương	2	30				60		Tự chọn: 8/16 TC
5	180115098	Quản trị nguồn nhân lực	2	30				60		
6	180750016	Nghiệp vụ thuế	2	30				60		
7	180115130	Marketing xanh	2	30				60		
8	180116014	Quản trị rủi ro	2	30				60		
9	180750015	Tổ chức và khai thác ga, cảng	2	30				60		
10	180750018	AI trong logistics và quản lý chuỗi cung ứng	2	30				60		
11	180116005	Thị trường chứng khoán	2	30				60		
	Tổng		16							

Học kỳ 8:

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
1	180115037	Thực tập tốt nghiệp	4				180			
2	180115038	Khóa luận tốt nghiệp	8				360			
		Tổng (Không bao gồm HP GDTC và GDQP)	12							

1/. Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng được xây dựng trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhu cầu nhân lực thực tế. Chương trình bao gồm 126 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh) và 139 tín chỉ (tính cả các học phần này).

2/. Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.

3/. Việc sắp xếp nội dung và quỹ thời gian được xây dựng dựa trên chương trình đào tạo và cây môn học. Với sự hướng dẫn của cố vấn học tập, sinh viên chủ động trong việc xác định tiến trình học tập của bản thân.

4/. Thực tập, kiến tập: Trong khóa học, sinh viên được tham quan thực tế tại các doanh nghiệp logistics, sản xuất - thương mại - dịch vụ. Trước khi tốt nghiệp, sinh viên được thực tập thực tế tại các doanh nghiệp trong ngành.

5/. Phương pháp giảng dạy - học tập: Chương trình kết hợp các phương pháp giảng dạy tích cực, khuyến khích tính chủ động của sinh viên. Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu, giúp sinh viên nâng cao tư duy sáng tạo trong quá trình học tập.

6/. Kiểm tra, đánh giá: Tùy theo từng môn học, ngoài việc đánh giá quá trình học tập của sinh viên trên lớp do giảng viên thực hiện, kết thúc môn học, sinh viên sẽ làm bài thi

hết môn. Kết quả đánh giá được tính dựa trên sự kết hợp giữa điểm thi kết thúc môn và điểm đánh giá quá trình.

7/. Tổ chức giảng dạy, kiểm tra và đánh giá học phần được thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cũng như quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

8/. Trường Khoa Kinh tế chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết học phần nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và yêu cầu đào tạo. Đồng thời, khoa đề xuất các điều kiện phục vụ công tác đào tạo như đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp và chương trình thực tập.

9/. Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật định kỳ theo quy định. Những điều chỉnh như chính sách tuyển sinh, tài liệu giảng dạy, phương pháp giảng dạy và đánh giá sẽ được xem xét. Việc thêm, bớt hoặc điều chỉnh các học phần được thực hiện để đảm bảo chương trình đáp ứng nhu cầu của người học và xã hội.

9. Đề cương chi tiết các học phần: (có Phụ lục kèm theo)

P. TRƯỞNG KHOA

**KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hoài Thanh

Võ Thị Tuyết Mai



Huỳnh Quyền

1. Về công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ: Trong năm qua, các đơn vị nghiên cứu đã tập trung nghiên cứu các đề tài khoa học và công nghệ, đặc biệt là các đề tài nghiên cứu về môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Các đơn vị đã đạt được nhiều thành tựu trong nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất và đời sống.

2. Về công tác bảo vệ môi trường: Các đơn vị đã thực hiện nhiều biện pháp để bảo vệ môi trường, giảm thiểu ô nhiễm và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên. Các đơn vị đã tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường cho nhân dân và học sinh.

3. Về công tác quản lý tài nguyên: Các đơn vị đã thực hiện nhiều biện pháp để quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và duy trì hệ sinh thái. Các đơn vị đã thực hiện nhiều dự án bảo tồn và phát triển bền vững.

4. Về công tác hợp tác quốc tế: Các đơn vị đã thực hiện nhiều dự án hợp tác quốc tế, thu hút vốn đầu tư và công nghệ từ nước ngoài để phát triển kinh tế và khoa học.



(Signature)

(Signature)